

Bản án số: 67/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXX-ST ngày 19/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐ-ST ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị B: Luật sư Phan Văn T - Văn phòng luật sư Phan T và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn B, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Nhật Bản không có địa chỉ).

Địa chỉ cuối cùng của anh Ngô Văn B ở Việt Nam: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 10/3/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Ngô Văn B có đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2006 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng đồng lòng cùng nhau làm ăn kinh tế, xây dựng gia đình. Từ khi vợ chồng ra ở riêng thì tình cảm vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm mỗi người khác nhau, khi vợ chồng có những quan điểm bất đồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng xa cách nhiều lần anh B đánh chị. Đến năm 2017 vợ chồng sống ly thân nhau và chị đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau một thời gian chị mới được biết anh B đã sang nước ngoài lao động từ năm 2018. Đến đầu năm 2019 anh B có nhắn tin cho chị xúc phạm đến danh dự của chị, chị có hỏi địa chỉ của anh B ở nước ngoài nhưng anh B không cho chị biết và từ đó đến nay anh B cũng không liên lạc gì cho chị nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn B.

-Về con chung: Chị và anh B có 2 con chung là Ngô Thị Lệ Q, sinh ngày 28/02/2007 và cháu Ngô Hà V, sinh ngày 03/12/2013, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm ở Công ty cổ phần sữa Quốc tế, thu nhập khoảng 06 triệu đồng/tháng. Tại đơn cung cấp tài liệu ngày 22/04/2021 chị B trình bày: Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng khi nào anh B về nước anh chị sẽ thỏa thuận cấp dưỡng nuôi hai con chung.

-Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị B còn trình bày: Hiện nay anh B vẫn đang lao động ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị không liên lạc được với anh B, anh B vẫn liên lạc về cho bố để anh B là ông Ngô Văn M, sinh năm 1963; trú tại thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng bố anh B cũng không cung cấp địa chỉ cho chị nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh B được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Ngô Văn B. Chị ủy quyền cho ông Phan Văn T trực tiếp giao, nộp các tài liệu liên quan đến hồ

sơ vụ án khởi kiện ly hôn, tham gia tại Tòa án với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị.

Bị đơn anh Ngô Văn B không có bản tự khai.

Ngày 17/3/2021 và ngày 02/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Ngô Văn B là ông Ngô Văn M, sinh năm 1963; trú tại: Thôn Hạ L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông M thông báo cho anh B biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Văn B; yêu cầu anh B viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông M cung cấp địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua hai lần yêu cầu cung cấp ông M vẫn giữ nguyên quan điểm là anh B ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh B, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh B biết để anh B gửi lời khai về. Kể từ đó đến phiên tòa lần 2, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh B gửi về.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2021 cháu Ngô Thị Lệ Quyên, cháu Ngô Hà Vy đều trình bày: Cháu Ngô Thị Lệ Q, sinh ngày 28/02/2007, cháu học lớp 8 Trường trung học cơ sở Đ, huyện Y; cháu Ngô Hà V, sinh ngày 03/12/2013, đang học Lớp 2 Trường tiểu học Đ, huyện Y. Hiện nay các cháu đang ở cùng ông bà nội và bố cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu và ông bà nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Ngô Văn B vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị B; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh B là ông Ngô Văn M và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị B xin vắng mặt và gửi bài luận cứ: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết:

-Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Ngô Văn B.

-Về con chung: Do hiện tại anh B đang sinh sống, lao động tại nước Nhật Bản, đề nghị Tòa án giao cho chị B là người là người trực tiếp nuôi hai con chung, khi nào anh B về nước anh chị sẽ thỏa thuận nuôi con, và cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng; Bố mẹ chồng cho vợ chồng chị một mảnh đất trong thời kỳ hôn nhân. Diện tích khoảng hơn 400m², anh chị đã xây 01 ngôi nhà, kiểu nhà ống đổ mái trần bê tông, công trình phụ khép kín. Diện

tích nhà khoảng 100m² nằm trong Diện tích 400m² địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, mảnh đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Do hai bên tự thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Ngô Văn B không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh B; Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng và các văn bản hướng dẫn xử vắng mặt anh B là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 4 điểm c khoản 5 điều 477; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Ngô Văn B.

Về con chung: Giao con chung là cháu là Ngô Thị Lệ Q, sinh ngày 28/02/2007 và cháu Ngô Hà V, sinh ngày 03/12/2013 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị B không yêu cầu.

Anh Ngô Văn B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị B.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn B vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh B là ông Ngô Văn M để giao

thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông M thông báo cho anh Ngô Văn B biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Văn B; yêu cầu anh B viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông M cung cấp địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài. Ông Ngô Văn M trình bày: Anh B vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình ông. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông M vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh B cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh B biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Văn B theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Ngô Văn B, anh B hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo Công văn số 6221/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 19/3/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an, thì anh B xuất cảnh ngày 29/8/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh B ở Việt Nam là: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con, có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Văn B kết hôn năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2006 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị B trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình nhà chồng tại thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Những năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, vợ chồng đồng lòng cùng nhau làm ăn kinh tế, xây dựng gia đình. Từ khi vợ chồng ra ở riêng thì tình cảm vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do quan điểm mỗi người khác nhau, khi vợ chồng có những quan điểm bất đồng thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng xa cách nhiều lần anh B đánh chị. Đến năm 2017 vợ chồng sống ly thân nhau và chị đã về gia đình nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau một thời gian chị mới được biết anh B đã sang nước ngoài lao động từ năm 2018. Đến đầu năm 2019 anh B có nhắn tin cho chị xúc phạm đến danh dự của chị, chị có hỏi địa chỉ của anh B ở nước ngoài nhưng anh B không cho chị biết và từ đó đến nay anh B cũng không liên lạc gì cho chị nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn B.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị B và anh B chung sống với nhau hạnh phúc, kể từ khi ra ở

riêng thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau và chị B đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh B đã ra nước ngoài lao động nhưng cũng không thông báo cho chị B biết và kể từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa và không liên lạc gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B. Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Ngô Văn B.

[4]. Về nuôi con chung: Chị B và anh B có 2 con chung là Ngô Thị Lệ Q, sinh ngày 28/02/2007 và cháu Ngô Hà V, sinh ngày 03/12/2013. Hiện nay các cháu đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị B: Hội đồng xét xử thấy: Chị B hiện đang làm tại Công ty cổ phần sữa quốc tế thu nhập khoảng 6 Triệu đồng/tháng, có chỗ ở, hiện nay anh B đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặc dù cháu Q, cháu V trên bảy tuổi đều trình bày có nguyện vọng được ở cùng bố và ông bà nội. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền và lợi ích của các con về mọi mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Ngô Thị Lệ Q, sinh ngày 28/02/2007 và Ngô Hà V, sinh ngày 03/12/2013 cho chị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Trường hợp anh Ngô Văn B về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 238, Điều 271; Điều 273; khoản 1 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Ngô Văn B.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Ngô Thị Lệ Q, sinh ngày 28/02/2007 và cháu Ngô Hà V, sinh ngày 03/12/2013 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh B thực hiện quyền này.

Trường hợp anh Ngô Văn B về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3.Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000900 ngày 12/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị B đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Ngô Văn B hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án nhân dân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

